



rèn wéi

认为

Verb · to think that; consider

Example Sentences

wǒ rèn wéi píng guǒ hěn hǎo chī

我认为苹果很好吃。

I think apples are delicious.

wǒ rèn wéi zhè ge jì huà hěn hǎo

我认为这个计划很好。

I think this plan is very good.

wǒ rèn wéi zhè ge fāng àn xū yào jìn yí bù tāo lùn

我认为这个方案需要进一步讨论。

I think this proposal needs further discussion.

Trace each character, then write the word on your own.

认 认 认 认 认 认 认

为 为 为 为 为 为 为